

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2020.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Vĩnh Ảnh.

Ông Đỗ Ngọc Cận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên
tòa:*** Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc
Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ
lý số 271/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
104/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Như A (Đỗ Như A), sinh năm: 1988 (vắng mặt, có
đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số M đường D, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Đường B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lưu Trí
D (có mặt) – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Nhựt V thuộc đoàn luật sư tỉnh
Sóc Trăng. Địa chỉ: Số B đường N, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc
Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Nơi cư trú cuối cùng: Số Số M đường D, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thanh Q chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61/2007, ngày 01/6/2007. Quá trình chung sống ông, bà có một người con chung tên Nguyễn Như N (nữ, sinh ngày 15/4/2007), hiện cháu N đang sống chung với bà. Đồng thời, ông, bà không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc làm ăn trong gia đình ông Q tự ý quyết định và không bàn bạc với bà, ông Q thường bỏ nhà đi, không chăm lo cho bà và con. Khi cháu N được 05 tuổi thì ông Q bỏ bà và con không chăm lo, từ năm 2013 đến nay ông, bà đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau vì ông Q bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không có tin tức gì. Bà đã yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tuyên bố ông Q mất tích và Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã tuyên bố ông Q mất tích theo Quyết định số 105/2017/QĐST-VDS ngày 31/10/2017. Nay Bà A nhận thấy không còn tình cảm với ông Q, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Q.

Về con chung: Bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Như N (nữ, sinh ngày 15/4/2007), đến khi cháu N đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Nguyễn Thanh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lưu Trí D trình bày:* Bà A và ông Nguyễn Thanh Q chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61/2007, ngày 01/6/2007. Quá trình chung sống ông Q, Bà A có một người con chung tên Nguyễn Như N (nữ, sinh ngày 15/4/2007), hiện cháu N đang sống chung với bà. Đồng thời, ông Q, bà A không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Thời gian đầu ông Q, bà A chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc làm ăn trong gia đình ông Q tự ý quyết định và không bàn bạc với bà A, ông Q thường bỏ nhà đi, không chăm lo cho bà A và con. Ông Q bỏ nhà đi từ năm 2013 cho đến nay không có tin tức gì. Bà A đã yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tuyên bố ông Q mất tích và Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã tuyên bố ông Q mất tích theo Quyết định số 105/2017/QĐST-VDS ngày 31/10/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Bị đơn, ông Nguyễn Thanh Q từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn ông Nguyễn Thanh Q không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Như A (Đỗ Như A), bị đơn ông Nguyễn Thanh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà A có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 227, Khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt Bà A và ông Q.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Như A (Đỗ Như A), về quan hệ hôn nhân của bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) và ông Nguyễn Thanh Q không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu

ông Q, bà A chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc làm ăn trong gia đình ông Q tự ý quyết định và không bàn bạc với bà A, ông Q bỏ nhà đi, từ năm 2013 cho đến nay không có tin tức gì. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, bà A yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tuyên bố ông Q mất tích và Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã ban hành quyết định Quyết định số 105/2017/QĐDS-ST ngày 31/10/2017 tuyên bố ông Nguyễn Thanh Q, nơi cư trú cuối cùng số M đường D, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng đã mất tích. Căn cứ Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông Q.

[3] Về con chung: Bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Như N (nữ, sinh ngày 15/4/2007), đến khi cháu N đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Nguyễn Thanh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu N ngày 14/12/2017 cháu N đồng ý được sống chung với bà A và hiện nay cháu N đang sống chung với bà A. Xét thấy, từ khi bà A và ông Q không còn sống chung với nhau đến nay, bà A là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, hiện nay về tâm sinh lý phát triển bình thường và được đi học đầy đủ, đồng thời yêu cầu này của bà A cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Xuất phát từ mọi lợi ích của cháu N. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A giao cháu N cho Bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà A không yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ông Nguyễn Thanh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) và ông Nguyễn Thanh Q.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Như N (nữ, sinh ngày 15/4/2007), hiện đang sống chung với bà A cho bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

2.2. Ông Nguyễn Thanh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Như A (Đỗ Như A) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008586 ngày 30/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyền